TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC XXX – H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 333/2025/QĐST-VHNGĐ	

H, ngày 06 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, các Điều 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 36; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 347/2025/TLST- VHNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh Cao Minh Đ, sinh ngày 05/4/1982

Nơi thường trú: Tập thể công trình xây lắp và cơ khí số XXX, xã N, thành phố H

Căn cước công dân số: 001082041572; Ngày cấp: 25/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Chị Vũ Thị N, sinh ngày 04/10/1986

Nơi thường trú: Tập thể công trình xây lắp và cơ khí số XXX, xã N, thành phố H

Căn cước công dân số: 031186012640; Ngày cấp: 25/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thuận tình ly hôn ngày 29 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Minh Đ và chị Vũ Thị N cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Cao Minh Đ và chị Vũ Thị N có hai con chung là cháu Cao Nhật M, sinh ngày 16/8/2010 và cháu Cao Minh N, sinh ngày 27/4/2019. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Cao Minh Đ và chị Vũ Thị N, giao cả hai cháu Cao Nhật M và Cao Minh N cho chị Vũ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có đề nghị, thay đổi khác. Anh Cao Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với hai cháu Cao Nhật M và Cao Minh N cho chị Vũ Thị N với mức 6.000.000 đồng/ 1 tháng/ 1 cháu (tương đương với 12.000.000 đồng/ 1 tháng/ 2 cháu) kể từ tháng 11/2025 cho đến khi cháu Cao Nhật M và Cao Minh N đủ 18 tuổi hoặc khi có đề nghị, thay đổi khác.

Anh Cao Minh Đ có quyền và nghĩa vụ đi lại chăm sóc, thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, nhà ở chung, công nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

2. Về lệ phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị N về việc chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng lệ phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013681 ngày 27/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố H. Xác nhận chị Vũ Thị N đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Nguyễn Tiến Hải

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực xxx – H;
- Thi hành án dân sự thành phố H (Phòng thi hành án dân sự khu vực xxx – H);
- UBND xã L, huyện T, thành phố H (nay là xã N, thành phố H) (Giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 01/10/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.